

Số: /TTr-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư Pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại văn bản số 1588/VPCP-NN ngày 15/3/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (ERPA), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (sau đây viết tắt là Dự thảo Nghị định), kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Lâm nghiệp được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 15/11/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Tại khoản 3 Điều 61 quy định hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng là một loại dịch vụ môi trường rừng; tại điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 63 Luật Lâm nghiệp giao Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) và điều chỉnh miễn, giảm mức chi trả DVMTR, quản lý sử dụng tiền DVMTR.

- Nghị định số 156/2019/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, tại Chương V (Dịch vụ môi trường rừng, quỹ bảo vệ và phát triển rừng) chưa có quy định chi tiết đối với loại dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng.

- Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022. Tại điểm a khoản 2 Điều 138 quy định dịch vụ môi trường rừng của hệ sinh thái rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

- Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Mục 2 của Nghị định quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước, chưa có quy định đối với việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải ra thị trường quốc tế.

- Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 5/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (Chương trình REDD+) đến năm 2030. Trong Quyết định này có mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2021 - 2030 là *“Hoàn thiện chính sách, pháp luật, khung hành động của chương trình REDD+ và tiếp cận các nguồn tài chính chi trả dựa vào kết quả phù hợp với các yêu cầu quốc tế”*.

- Việt Nam đã tham gia ký Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu (2015), đệ trình Báo cáo đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cho Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Theo đó, Việt Nam cam kết đến năm 2030, bằng nguồn lực trong nước sẽ giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường. Chi trả DVMTR đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng là cơ hội để có thêm nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo cam kết, góp phần thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Chiến lược quốc gia về Biến đổi khí hậu, Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh gắn với phát triển bền vững, Cam kết phát thải ròng bằng “0” của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26), bảo đảm an ninh môi trường quốc gia.

- Tại văn bản số 1588/VPCP-NN ngày 15/3/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định theo trình tự thủ tục rút gọn, trình Chính phủ xem xét, quyết định trước ngày 31/3/2022.

2. Cơ sở thực tiễn

- Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) đã được ký vào ngày 22/10/2020 tại Hà Nội, giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với tư cách là Cơ quan thực hiện Chương trình và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD) với tư cách là Bên được ủy thác của Quỹ Đối tác Các-bon Lâm nghiệp (FCPF). Việc ký kết này được thực hiện theo Văn bản số 2471/VPCP-HTQT ngày 31/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về chủ trương đàm phán ERPA với IBRD. ERPA nhằm chuyển nhượng lượng giảm phát thải 10,3 triệu tấn các-bon đi-ô-xít (CO₂) ở 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2018 - 2025 cho FCPF, với tổng số tiền là 51,5 triệu đô la Mỹ.

- Hai điều kiện hiệu lực cần được Chính phủ Việt Nam ban hành trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký ERPA (Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đề xuất IBRD gia hạn lần cuối đến ngày 08/4/2022) để việc chuyển nhượng và thanh

toán giảm phát thải được thực thi, gồm: quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải; quy định về quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải (trong thỏa thuận ERPA là Kế hoạch chia sẻ lợi ích). Theo ERPA, kết quả giảm phát thải được xác định chung cho cả vùng Bắc Trung Bộ. Nghĩa là, cả vùng Bắc Trung Bộ là một đơn vị tính toán kết quả để chuyển nhượng lượng giảm phát thải cho IBRD; còn việc tính toán lượng giảm phát thải cho từng tỉnh là để thanh toán dựa trên kết quả thực hiện ở tỉnh đó.

- IBRD sẽ thực hiện chi trả dựa trên báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT về kết quả giảm phát thải theo 03 giai đoạn: 2018 - 2019; 2020 - 2022 và 2023 - 2024. Việc chi trả được xác định sau khi IBRD tiến hành thẩm định kết quả theo từng kỳ báo cáo. Thẩm định xong kỳ báo cáo nào, chi trả cho kỳ báo cáo đó. Việt Nam không tạm ứng để thực hiện ERPA. Vì vậy, giảm thiểu được rủi ro đối với quá trình giải ngân. Ngoài ra, việc IBRD chi trả kết quả "quá khứ" cho vùng Bắc Trung Bộ (giai đoạn đã qua 2018 - 2021) cũng thể hiện rõ sự hỗ trợ của quốc tế nhằm giúp Việt Nam tiến vào thị trường các-bon toàn cầu.

- Theo phụ lục Báo cáo cập nhật hai năm một lần, lần thứ 3 (BUR3) của Việt Nam về kết quả thực hiện REDD+ giai đoạn 2014 - 2018 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi UNFCCC (2021), lượng giảm phát thải ròng bình quân năm của giai đoạn 2014 - 2018 khoảng 57 triệu tấn/năm. Vì vậy, tiềm năng giảm phát thải để có thể thương mại hóa là rất lớn và có ý nghĩa quan trọng trong việc huy động nguồn lực hỗ trợ công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Mặc dù vậy, về mặt pháp lý, hiện nay còn một số vướng mắc trong việc thương mại hóa các-bon, do chưa có văn bản pháp luật quy định cụ thể về việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải cũng như quản lý tài chính đối với nguồn thu này. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2019/NĐ-CP, dự kiến trình Chính phủ ban hành trong Quý IV năm 2022. Tuy nhiên, do thời hạn đến ngày 08/4/2022 hai điều kiện hiệu lực cần được Chính phủ Việt Nam ban hành gồm: quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải; quy định về quản lý tài chính ERPA. Ngoài ra, Nghị định này quy định cụ thể cho vùng Bắc Trung Bộ với đối tác IBRD trên cơ sở một số ràng buộc đặc thù (theo hướng thuận lợi cho thương mại CO₂ từ rừng). Vì vậy, quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA có thể khác với quy định tổng thể của Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2019/NĐ-CP (áp dụng trên phạm vi toàn quốc, với nhiều đối tượng khác nhau).

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, để đáp ứng tốt yêu cầu và xu thế của thực tiễn, khơi thông và tiếp nhận kịp thời các nguồn lực cho bảo vệ và phát triển rừng, đồng thời tạo tiền đề cho việc hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề này, việc ban hành Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích

Làm căn cứ cho việc thực hiện Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ, thể chế hóa về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững để tăng nguồn thu hỗ trợ công cuộc bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo cam kết với quốc tế, góp phần thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về Biến đổi khí hậu, Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh, bảo đảm an ninh môi trường quốc gia, đưa lâm nghiệp trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế xanh quốc gia.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Thực hiện theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và các điều ước, cam kết quốc tế có liên quan.

- Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 10365/VPCP-QHQT ngày 10/12/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả đàm phán, ký kết và đề xuất thực hiện Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ. Trong khi Luật Bảo vệ môi trường và các Luật khác có liên quan chưa quy định cụ thể về thương mại các-bon rừng ở phạm vi quốc tế và chi trả dịch vụ các-bon rừng, Luật Lâm nghiệp trở thành căn cứ rất quan trọng, mang tính định hướng lớn.

- Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại văn bản số 1588/VPCP-NN ngày 15/3/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ.

- Bám sát nội dung Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 5/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (Chương trình REDD+) đến năm 2030.

- Áp dụng tối đa các quy định pháp luật hiện có để triển khai Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ; chi tiết được những nội dung mà pháp luật chưa quy định cụ thể về loại dịch vụ này.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai xây dựng Dự thảo Nghị định với những hoạt động cơ bản sau:

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 4641/QĐ-BNN-TCLN ngày 16/11/2020 về Thành lập Tổ soạn thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm chuyển quyền giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA, với sự tham gia của các thành viên thuộc các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp.

2. Ngày 22/4/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT có văn bản số 47/VnForest-MARD gửi lại Ngân hàng Thế giới Báo cáo kết quả giảm phát thải

kỳ đầu cho giai đoạn 2018-2019 (IBRD đang thẩm định lại kết quả giảm phát thải).

3. Tổ chức các hoạt động, khảo sát, hội họp xây dựng dự thảo Quyết định.

4. Tổ chức lấy ý kiến lần thứ nhất bằng văn bản của các Bộ liên quan, UBND 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ về một số nội dung xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm chuyển quyền giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA tại văn bản số 2757/BNN-TCLN ngày 13/5/2021. Kết quả đã nhận được 10/10 ý kiến của các Bộ và địa phương gồm: Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thanh Hóa; Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị; Thừa Thiên Huế.

5. Tổ chức lấy ý kiến lần thứ hai bằng văn bản của các Bộ và địa phương, gồm: Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường; các tỉnh gồm: Thanh Hóa; Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị; Thừa Thiên Huế về dự thảo hồ sơ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4239/BNN-TCLN ngày 07/7/2021. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nhận được 10/10 ý kiến góp ý bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương.

6. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Quyết định và trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 5577/TTr-BNN-TCLN ngày 01/9/2021.

7. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 185/BNN-TCLN ngày 11/01/2022 về việc xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA; văn bản số 919/BNN-TCLN ngày 17/02/2022 về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA, tại văn bản này Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét thêm phương án giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng “*Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA*” theo trình tự, thủ tục rút gọn.

8. Ngày 08/3/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT có văn bản số 1281/BNN-TCLN về việc xin ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA gửi các bộ và Ủy ban nhân dân 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ; Bộ Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thiện báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến về dự thảo Nghị định gửi kèm. Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách trong dự thảo Nghị định (có báo cáo kèm theo). Trong đó, phân tích đánh giá làm rõ các nội dung về chuyển nhượng lượng giảm phát thải từ rừng; quản lý tài chính ERPA; đánh giá tác động chung của Nghị định về kinh tế, xã hội, môi trường, bình đẳng giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật và thể chế.

9. Ngày 15/3/2022, Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận được văn bản số 1588/VPCP-NN của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ.

10. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ Nghị định tại văn bản số/BNN-TCLN ngày .../.../2022; Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số/BCTĐ-BTP ngày /.../ 2022. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu nghiêm túc các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và có Báo cáo giải trình, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Nghị định kèm theo Tờ trình này.

11. Hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ ký ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định có 03 Chương, 17 Điều và các Phụ lục:

- Chương I: Quy định chung. Gồm 03 Điều, từ Điều 01 đến Điều 03.
- Chương II: Chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA. Gồm 11 Điều, từ Điều 04 đến Điều 14.
- Chương III: Tổ chức thực hiện. Gồm 03 Điều, từ Điều 15 đến Điều 17.

2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải đối với loại hình dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Điều 61 và Điều 63 Luật Lâm nghiệp..

- Đối tượng áp dụng: áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính từ rừng tự nhiên thuộc địa bàn các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

3. Nội dung cơ bản của Nghị định

a) Chương I: Quy định chung

Chương này quy định các nội dung về phạm vi điều chỉnh, thực hiện ERPA tại 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế; đối tượng áp dụng là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng có hoạt động liên quan đến quản lý bảo vệ rừng, giảm phát thải; giải thích một số thuật ngữ; các nguyên tắc chuyển nhượng và quản lý tài chính nguồn thu từ ERPA.

b) Chương II: Chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA. Chương này quy định hai điều kiện hiệu lực của ERPA là chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA.

- Về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải: Bộ Nông nghiệp và PTNT là đại diện chủ sở hữu, quản lý và sử dụng kết quả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ trong thời gian thực hiện ERPA, thực hiện chuyển nhượng kết quả giảm phát thải cho Quỹ Đối tác các-bon Lâm nghiệp ủy thác qua Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế (IBRD) thông qua các kỳ báo cáo kết quả giảm phát thải vùng

Bắc Trung Bộ. Sau khi phía Ngân hàng tổ chức thẩm định kết quả, tiền chi trả theo ERPA sẽ được chuyển về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tiếp nhận để quản lý, điều phối cho các tỉnh đến đối tượng hưởng lợi thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

- Về quản lý tài chính nguồn thu từ ERPA: quy định các nội dung về tiếp nhận nguồn thu, đối tượng hưởng lợi, các nội dung được chi trả, xác định số tiền chi trả, chia sẻ lợi ích từ ERPA, lập kế hoạch chia sẻ lợi ích, giải ngân, thanh toán, chế độ báo cáo, quyết toán, kiểm toán, kiểm tra giám sát, công khai tài chính.

+ Về tiếp nhận nguồn thu và đối tượng hưởng lợi từ ERPA: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam mở tài khoản ngoại tệ tại ngân hàng thương mại, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam tại ngân hàng thương mại, chủ rừng là tổ chức, UBND cấp xã, các tổ chức khác được hưởng lợi mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận nguồn kinh phí được chi trả. Đối tượng hưởng lợi là chủ rừng được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định, UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật, Cộng đồng dân cư và UBND cấp xã có tham gia quản lý rừng với chủ rừng tự nhiên, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng 6 tỉnh và các đối tượng có liên quan đến giảm phát thải ở địa bàn 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

+ Các nội dung được chi trả gồm: ở cấp Trung ương chi hỗ trợ cho các hoạt động quản lý, điều phối, hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện chính sách, tuyên truyền và một số nhiệm vụ đặc thù; tại cấp tỉnh chi cho các hoạt động quản lý, hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện chính sách, hướng dẫn; số còn lại chủ yếu chi trả cho các chủ rừng và cộng đồng dân cư tham gia hoạt động quản lý rừng (là cộng đồng dân cư quy định tại khoản 24 Điều 2 Luật Lâm nghiệp, gồm cộng đồng dân cư là chủ rừng hoặc không phải là chủ rừng, cư trú hợp pháp trong khu vực có ranh giới tự nhiên tiếp giáp với khu rừng hoặc nằm trong khu rừng của chủ rừng là tổ chức) thông qua hoạt động quản lý rừng như nhận khoán bảo vệ rừng và các hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế.

+ Về xác định số tiền chi trả, gồm: xác định loại rừng và diện tích rừng được chi trả, tiêu chí xác định số tiền điều phối cho địa phương, xác định số tiền thu được từ ERPA. Xác định số tiền chi trả, điều phối cho các tỉnh dựa vào diện tích rừng tự nhiên và kết quả giảm phát thải của từng tỉnh. Xác định số tiền chi trả cho các chủ rừng dựa vào diện tích rừng tự nhiên của từng chủ rừng; quy định về sử dụng tiền (chia sẻ lợi ích từ ERPA).

+ Về chia sẻ lợi ích từ ERPA:

* Tại cấp trung ương: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam được trích tối đa 0,5% tổng tiền thu được để chi cho hoạt động quản lý, điều phối (mức trích này áp dụng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP) và trích tối đa 7,5% chi cho các hoạt động đặc thù của ERPA như: hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng các quy định, hướng dẫn, hoàn thiện chính sách; đo đạc, báo cáo, thẩm

định kết quả giảm phát thải ... (mức trích này dựa theo dự thảo kế hoạch chia sẻ lợi ích đã được IBRD đồng thuận trước khi ký ERPA), số còn lại điều phối về quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.

* Tại cấp địa phương: Quỹ tỉnh được trích tối đa 10% để chi cho các hoạt động quản lý và hoạt động hỗ trợ xây dựng chính sách (mức trích này áp dụng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP), số còn lại chuyển chi trả cho các chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng tự nhiên. Đối với chủ rừng là tổ chức được trích 10% cho chi phí quản lý (mức trích này áp dụng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP); số còn lại 90% ưu tiên chi trả cho các cộng đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia vào hoạt động quản lý rừng, phần còn lại có thể chi cho các hoạt động liên quan đến biện pháp lâm sinh (đây là các hoạt động đặc thù được điều chỉnh từ các hoạt động tại dự thảo Kế hoạch chia sẻ lợi ích đã được IBRD đồng thuận trước khi ERPA được ký). Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng được sử dụng tiền theo quy định tại Điều 70 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

+ Về lập kế hoạch chia sẻ lợi ích: Kế hoạch chia sẻ lợi ích gồm Kế hoạch tài chính tổng thể và Kế hoạch tài chính hằng năm. Quy định về việc lập kế hoạch tài chính tại cấp Trung ương, cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng;

+ Về giải ngân, thanh toán: quy định về phương thức giải ngân, theo kế hoạch được phê duyệt; giải ngân từ Trung ương về địa phương; và giải ngân, thanh toán đến các đối tượng hưởng lợi tại địa phương;

+ Về chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán, quyết toán: quy định về chế độ báo cáo; công tác kế toán; kiểm toán độc lập; quyết toán hằng năm và quyết toán kết thúc ERPA. Cơ bản áp dụng theo các quy định về chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP;

+ Về Kiểm tra, giám sát, công khai tài chính: Quy định về công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; công khai tài chính tại cấp Trung ương và địa phương theo quy định hiện hành và yêu cầu của IBRD.

c) Chương III về Tổ chức thực hiện: Quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ; trách nhiệm của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh và điều khoản thi hành. Trong đó, quy định Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện ERPA, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện ERPA báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Về phụ lục của Nghị định, gồm: tham gia hoạt động quản lý rừng; xác định số tiền thu và chi trả từ ERPA; mẫu kế hoạch; mẫu báo cáo.

V. NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

Nguồn lực thực hiện Nghị định này gồm nguồn lực về con người và nguồn lực về tài chính:

1. Về nguồn nhân lực

Việc triển khai thực hiện Nghị định về ERPA cơ bản dựa trên thể chế hiện hành, không phát sinh thêm tổ chức mới, không tạo nhiều tầng nấc, để vận hành hiệu quả, tiết kiệm chi phí giao dịch, tránh lãng phí, cụ thể:

- Thực hiện ERPA sẽ làm tăng thêm một số công việc cho hệ thống tổ chức hiện hành như Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và một số bên liên quan do phải xây dựng một số quy định, hướng dẫn mới bổ sung cho các văn bản hiện hành để thực hiện thống nhất, phù hợp pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

- Đối với hệ thống quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp Trung ương và 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ sẽ có thêm một số nhiệm vụ mới về kỹ thuật và quản lý; có thể phải bổ sung một số nhân sự cần thiết để bảo đảm hoàn thành trách nhiệm được giao.

- Có trên 70 nghìn chủ rừng quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, các tổ chức, cá nhân tham gia và hưởng lợi từ ERPA, gồm: 143 chủ rừng là tổ chức (19 ban quản lý rừng đặc dụng, 36 ban quản lý rừng phòng hộ, 46 tổ chức kinh tế, 40 đơn vị vũ trang, 2 tổ chức khác); gần 70 nghìn hộ gia đình và khoảng 950 cộng đồng dân cư tham gia quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên.

Tuy nhiên, triển khai các hoạt động này sẽ không sử dụng ngân sách Nhà nước vì nguồn kinh phí cho các nội dung này đã được quy định trong Nghị định.

2. Về nguồn lực tài chính

Nghị định này quy định chính sách về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA bao gồm các hoạt động: hỗ trợ các hoạt động tăng cường các điều kiện cần thiết để giảm phát thải ở cấp Trung ương và cấp địa phương; hoạt động đóng góp trực tiếp cho giảm phát thải như bảo vệ rừng tự nhiên, các biện pháp lâm sinh theo quy định hiện hành, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế; hoạt động quản lý. Nguồn tài chính để thực hiện các hoạt động trên từ nguồn thu từ ERPA.

Thực hiện các hoạt động quy định tại Nghị định, dự kiến sẽ thu được khoảng 51,5 triệu USD từ chuyển nhượng lượng giảm phát thải 10,3 triệu tấn các-bon đi-ô-xít (CO₂) cho Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế; đây là nguồn thu quan trọng phục vụ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng của vùng Bắc Trung Bộ, làm giảm áp lực phụ thuộc vào ngân sách nhà nước hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng của vùng Bắc Trung Bộ. Trường hợp, IBRD mua lượng giảm phát thải bổ sung tối đa 5 triệu tấn CO₂ (nếu có) với đơn giá 5 USD/ tấn CO₂ thì nguồn thu này còn có thể tăng thêm tối đa 25 triệu USD. Triển khai Nghị định này, cũng cho thấy tiềm năng và triển vọng to lớn về nguồn thu này đối với ngành lâm nghiệp nước ta nói chung khi thực hiện ERPA thành công và xây dựng thành chính sách để mở rộng áp dụng trên cả nước.

VI. VẤN ĐỀ LÒNG GHÉP GIỚI

Việc thực hiện lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định dựa trên cơ sở pháp lý, như: Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Luật Bình đẳng giới cũng quy định các khái niệm về bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới (Điều 5), chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới (Điều 7). Việt Nam đã từng bước xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giới và bình đẳng giới với những yêu cầu pháp lý cụ thể, đồng bộ, thống nhất trong xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật.

Việc thực hiện Nghị định của Chính phủ về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA sẽ tạo thêm thu nhập cho các hộ gia đình, góp phần cải thiện đời sống, sức khỏe, bình đẳng giới trong đời sống gia đình và cộng đồng; thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới thông qua cơ chế hưởng lợi và tham gia hoạt động quản lý rừng của cộng đồng dân cư địa phương gắn với bảo vệ và phát triển rừng, áp dụng chung không phân biệt nam nữ. Nghị định tạo điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân, không phân biệt nam và nữ được tham gia và hưởng lợi từ ERPA.

VII. TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Nghị định này quy định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ và xác định các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia cùng lĩnh vực gồm:

a) Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC): nội dung chính là sự ổn định các nồng độ khí nhà kính trong khí quyển ở mức có thể ngăn ngừa được sự can thiệp nguy hiểm của con người đối với hệ thống khí hậu. Mức đó phải được đạt tới trong một khung thời gian đủ để cho phép các hệ sinh thái thích nghi một cách tự nhiên với biến đổi khí hậu, bảo đảm rằng việc sản xuất lương thực không bị đe dọa và tạo khả năng cho sự phát triển kinh tế tiến triển một cách bền vững.

b) Nghị định thư Kyoto: nội dung chính là cam kết được tiến hành dựa trên các nguyên tắc của Công ước khung của UNFCCC. Trong đó, những quốc gia tham gia ký kết phải chấp nhận việc cắt giảm khí CO₂ và năm loại khí gây hiệu ứng nhà kính khác, hoặc có thể tiến hành biện pháp thay thế như mua bán phát thải nếu không muốn đáp ứng yêu cầu đó.

c) Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu: nội dung chính là việc ràng buộc trách nhiệm của tất cả các bên trong ứng phó với BĐKH. Trách nhiệm này đã được các bên cam kết thông qua đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (INDC). Việc thông qua Thỏa thuận Paris đã mở ra một kỷ nguyên phát triển mới trên toàn cầu. Đó là kỷ nguyên phát triển phát thải các-bon thấp với các mô hình sản xuất, tiêu dùng thân thiện với môi trường; hạn chế, tiến tới xóa bỏ sử

dụng nhiên liệu hóa thạch, thúc đẩy phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

d) Tuyên bố về rừng và đất lâm nghiệp: Tuyên bố nhằm mục đích ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng mất rừng và suy thoái đất vào năm 2030, góp phần phát triển bền vững, giảm tính dễ bị tổn thương, tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và nâng cao đời sống khu vực nông thôn.

Qua rà soát từng nội dung của nghị định cho thấy không có nội dung nào mâu thuẫn hoặc trái với các Điều ước Việt Nam đã tham gia cùng lĩnh vực. Nghị định này hoàn toàn phù hợp, tạo điều kiện để triển khai, thực thi các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam tham gia.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi hồ sơ kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; (3) Các tài liệu có liên quan.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh